

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 117/2023/DS-PT

Ngày: 08/3/2023

V/v tranh chấp “Chia thừa kế, hủy
văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các thẩm phán:

Ông **Võ Ngọc Giàu**;

Ông **Mai Hoàng Khải**;

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **Mai Thị Đào Quyên**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày **02, 08** tháng **3** năm **2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 424/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “*Tranh chấp chia thừa kế, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 213/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXPT-DS ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Minh H**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang

Đại diện ủy quyền: Phạm Duy M, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021) (có mặt);

Địa chỉ: số 14, khu phố 1, phường A, thị xã G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Đình H**, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang

Đại diện ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964 (theo văn bản ủy quyền ngày 8/12/2021) (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Chị **Huỳnh Ngọc D**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền chị D: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021) (có mặt);

Địa chỉ: số 14, khu phố 1, phường A, thị xã G, Tiền Giang.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

4.1. Chị Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 3, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021) (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, Tiền Giang

4.2. Chị Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1978 (có mặt);

Đại diện ủy quyền chị Ch: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021) (có mặt);

Địa chỉ: số 14, khu phố 1, phường A, thị xã G, Tiền Giang.

4.3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện G.

Đại diện theo pháp luật: Cổ Văn Mười – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Huỳnh Minh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Huỳnh Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của anh H, chị Ch, chị D là anh M trình bày:*

Ông Huỳnh Đình H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1960 (chết năm 2020) là vợ chồng, ông bà chung sống có 4 người con: chị Huỳnh Ngọc Ch, chị Huỳnh Ngọc D, anh Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Ngọc Th. Trong quá trình chung sống ông bà có tạo lập tài sản chung gồm: thửa đất số 335, diện tích 5.797m² loại đất lúa và thửa đất số 286, diện tích 2.171m² loại đất thổ, vườn, cả hai thửa đất này do ông H, bà U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 01/11/2020 bà U chết không để lại di chúc. Sau khi bà U chết thì ông H nói là thiếu nợ Ngân hàng cần bán đất để trả nợ và cần có chữ ký của các người con ký tên để ông H bán và hứa sẽ tách bộ cho mỗi đứa con một nền đất để ở tại thửa đất số 286, sau khi ký giấy thì ông H không cho các anh chị như cam kết mà làm thủ tục tặng cho hết phần đất này cho người em tên Huỳnh Ngọc Th, không đồng ý với cách làm của ông H nên anh H, chị D có làm đơn gửi UBND xã B giải quyết tại UBND xã B ông H cam kết sẽ tách bộ cho các anh chị. Theo anh được biết văn bản phân chia di sản thừa kế được lập tại nhà của cá nhân của một nhân viên Ủy ban nhân dân xã B chứ không phải lập tại Ủy ban nhân dân xã, nhà riêng của nhân viên này không phải là tư pháp xã.

Do anh H, chị D không có đất ở nào khác ngoài phần đất đang tranh chấp thì anh H, chị D yêu cầu được chia mỗi người diện tích 217m², thuộc thửa đất số 286. Anh H yêu cầu được chia diện tích ở vị trí số 1, chị D yêu cầu được chia diện tích ở vị trí số 2 trên sơ đồ trích đo thửa đất. Đồng thời yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế lập ngày 23/01/2021. Đối với thửa đất số 335 đã chuyển nhượng cho người khác nên các anh chị không yêu cầu tranh chấp. Riêng chị Th thì không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của ông H, chị Th là bà U trình bày:*

Ngày 23/01/2021, anh H, chị D, chị Ch đã thực hiện việc khai nhận di sản của bà Nguyễn Thị U và đồng ý tặng cho phần thừa kế được hưởng trong đó có thửa đất số 286, tờ bản đồ số 13, diện tích 2139,8m² (đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm) cho ông H.

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chuyển quyền cho ông H đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Đồng thời đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức.

Ông H đã đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai có hiệu lực. Do đó, thửa đất số 286, tờ bản đồ số 13, diện tích 2139,8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H

Nay, ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, chị D. Đối với lời trình bày về nhân thân của ông H và các người con là đúng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 217, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh H, chị Huỳnh Ngọc D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Huỳnh Minh H phải chịu số tiền 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng theo biên lai số 0005812 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Như vậy, anh H được hoàn lại số tiền 75.000 đồng.

2.2. Chị Huỳnh Ngọc D phải chịu số tiền 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng theo biên lai số 0006000 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Như vậy, chị D còn phải nộp thêm số tiền 75.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn Huỳnh Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Huỳnh Ngọc D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hải, bà Diễm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn anh H, chị D là ông M trình bày: Anh H, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông H có hứa với bốn người con sau khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà U ông sẽ cho mỗi người con một phần đất để cất nhà ở. Sau đó, ông H đã cho đất cho chị Th. Vì vậy, thể hiện việc ông H hứa cho đất các con sau khi ký Văn bản thỏa thuận trên là có thật. Mặt khác, anh H và chị D hiện tại không có bất cứ phần đất nào để ở cũng như đất canh tác. Đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh chị một phần đất để cất nhà sinh sống.

Đại diện bị đơn ông H là bà U trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, chị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm do văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà U lập ngày 23/01/2021 là hoàn toàn đúng pháp luật, việc ông H không cho đất chị D và anh H là do anh chị đối xử với ông không đúng chuẩn mực người làm con, ông H sẽ cho đất nhưng không xác định được thời gian.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh H, chị D kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Các anh chị cũng đã thành niên nên phải chịu trách nhiệm trước những gì mình làm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh H, chị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Huỳnh Minh H yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị U theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Chia thừa kế theo pháp luật và hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 609 Bộ luật dân là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 25/7/2022 Tòa án huyện G ban hành bản án số 213/2022/DS-ST, đến ngày 03/8/2022 anh H và chị D nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí. Như vậy, kháng cáo của anh H, chị D còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Ủy ban nhân dân xã B có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[4]. Xét nội dung kháng cáo: Anh H, chị D cho rằng biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 23/01/2021 là không hợp pháp do lập tại nhà của người không phải là cán bộ tư pháp xã và anh chị không biết nội dung mà chỉ nghĩ ký để ông H đứng tên quyền sử dụng đất nhằm mục đích bán trả nợ vay ngân hàng và khi ký ông H có hứa sẽ tách hộ cho các con mỗi người một phần đất để cất nhà ở.

[4.1]. Xét nội dung văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 23/01/2021, ông H, anh H, chị Ch, chị D và chị Th cùng lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã B, huyện G nội dung chứng thực thể hiện: Chị D, chị Ch, chị Th và anh H đồng ý tặng cho phần thừa kế của mình được hưởng trong khối di sản do bà U để lại cho ông Huỳnh Đình H. Ông H được một mình hưởng trọn di sản do bà U chết để lại. Căn cứ văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã B ngày 19/4/2022 thể hiện tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ và chứng thực những người thỏa thuận phân chia di sản thừa kế minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện thỏa thuận đã hiểu, đọc lại và cùng ký tên trước mặt người tiếp nhận hồ sơ. Như vậy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G chứng thực là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ biên bản trên của nguyên đơn.

[4.2]. Xét việc ông H hứa chia cho bốn người con của ông một phần đất khi ký biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 23/01/2021 tuy không được ghi vào biên bản thỏa thuận nhưng được các đương sự thừa nhận tại tòa. Như vậy, việc anh H, chị Ch, chị D và chị Th đã ký biên bản thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế giao toàn bộ di sản cho ông H là thỏa thuận có điều kiện và điều kiện này hoàn toàn không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên thỏa thuận chia đất cho bốn người con của ông H đã phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm xác lập ngày 23/01/2021 buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Bộ luật Dân sự. Phần đất của chị Ch đã được bà U và ông H tặng cho khi bà U còn sống. Ông H đã tặng cho đất cho một trong số bốn người con của ông là chị Th mỗi người một phần đất càng thể hiện thỏa thuận trên là có thật. Ông H cho rằng hai người con còn lại là chị D và anh H không cần đến ông, không cầu xin ông tặng cho đất và có hành động đối xử không đúng chuẩn mực đạo đức làm con với ông nếu anh H và chị D xin lỗi ông, ông mới đồng ý cho đất. Ông H cho rằng anh H và chị D có hành vi đối xử không đúng chuẩn mực đạo đức làm con nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa, tại phiên tòa để hàn gắn mâu thuẫn do tranh chấp nên anh H và chị D

đã công khai xin lỗi ông nhưng không được ông đồng ý, ông hứa sẽ cho đất anh H và chị D nhưng không xác định thời gian cho. Xét thấy, anh H và chị D là con chung của bà U và ông H, bà U chết không để lại di chúc nên anh H và chị D đương nhiên được hưởng một phần di sản của bà U để lại nhưng vì ông H có hứa tách hộ cho anh chị một phần đất nên ngày 23/01/2021 anh chị đã ký biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế giao toàn bộ di sản cho ông H. Ông H hứa chia cho anh chị một phần đất nhưng không thực hiện là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ nên anh H và chị D có quyền yêu cầu ông H thực hiện. Mặt khác, anh H và chị D hiện không có đất canh tác và đất ở nên việc giải quyết cho anh chị một phần đất ở là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của các bên, quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Anh H, chị D yêu cầu mỗi người được nhận 217 m² đất cây lâu năm tại vị trí số 1 và số 2 theo sơ đồ trích đo thửa đất có tổng diện tích 777,6 m², phần đất còn lại do ông H đứng tên. Xét, yêu cầu được nhận 217 m² của anh chị là nhỏ hơn rất nhiều so với kỷ phần của anh chị được hưởng nếu được chia thừa kế theo pháp luật. Yêu cầu trên của anh H, chị D không ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng đất của ông H bởi lẽ hiện tại ông H không canh tác trên đất, nguồn sống chính của ông dựa vào số tiền sang nhượng thửa đất 335 còn lại sau khi tất toán nợ với Ngân hàng.

[4.3]. Xét việc anh H và chị D thống nhất giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí tranh chấp theo khung giá nhà nước quy định là 140.000 đồng trên 01 m², do không xác định giá thực tế chuyển nhượng loại đất này tại địa phương nên chấp nhận xác định giá trị tài sản tranh chấp theo khung giá nhà nước quy định làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4.4]. Xét đối với cây trồng trên đất các đương sự không có tranh chấp và xác định trên phần đất của ai được chia thì người đó hưởng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.5]. Xét việc anh H chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là không trái pháp luật và các đương sự khác không có ý kiến phản đối nên ghi nhận.

[4.6]. Từ những phân tích trên, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H chị D là chưa xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ. Mặt khác, khi tính án phí cấp sơ thẩm cũng có sai sót nên cần sửa án.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn anh H, chị D được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 217, Điều 296; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 120; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Huỳnh Minh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Huỳnh Ngọc D; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 25/7/2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Minh H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Huỳnh Ngọc D.

- Chia cho anh Huỳnh Minh H một phần đất thuộc thửa 869, tờ bản đồ số 13, tại vị trí số 1, diện tích 217,1 m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đất ông Lê Văn D;
- + Tây giáp phần đất số 2;
- + Nam giáp phần đất ông Huỳnh Đình T;
- + Bắc giáp đường B-Bình N;

(có sơ đồ vị trí kèm theo).

- Chia cho chị Huỳnh Ngọc D một phần đất thuộc thửa 869, tờ bản đồ số 13, tại vị trí số 2, diện tích 217,0 m², loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp phần đất số 1;
- + Tây giáp phần đất số 3;
- + Nam giáp phần đất ông Huỳnh Đình T;
- + Bắc giáp đường B-Bình N;

(có sơ đồ vị trí kèm theo).

Anh Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Ngọc D được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật Đất đai.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh H và chị Huỳnh Ngọc D về việc “hủy văn bản phân chia thừa kế lập ngày 23/01/2021”.

2. Về án phí:

2.1. Anh Huỳnh Minh H phải chịu 1.820.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng theo biên lai thu số 0005812 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện G nên cần phải nộp thêm 1.295.000 đồng.

Chị Huỳnh Ngọc D phải chịu 1.819.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng theo biên lai thu số 0006000 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện G nên cần phải nộp thêm 1.294.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Anh Huỳnh Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho anh H 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006349 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3.2. Chị Huỳnh Ngọc D không chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho chị D 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006348 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 08 tháng 3 năm 2023 có mặt anh H, chị D, chị Ch, ông M; vắng mặt ông H, bà U.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện Gò Công T;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Công bố bản án CTTĐT;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2023-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính